

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HS-ST

Ngày: 05/11/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hằng.

2. Ông Phạm Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Anh Thơ – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Đặng Thị S; Sinh năm 1966; HKTT và chỗ ở: Thôn Mao Dộc, xã Phụng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ng (đều đã chết); gia đình có 9 anh chị em, bị cáo thứ 6; có chồng là Nguyễn Hữu S, sinh 1963 (đã ly hôn) và có 2 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 118/2014/HSST ngày 15/8/2014 TAND huyện Quế Võ xử phạt 12 tháng tù, phạt 5 triệu đồng về tội Chứa mại dâm. Bị cáo đã chấp hành hình phạt tù ra trại năm 2015 và chấp hành toàn bộ bản án ngày 04 tháng 3 năm 2015; tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2020 đến ngày 05/10/2020 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Bảo Lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; HKTT và chỗ ở: Khu 4, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn S, sinh năm 1944 và bà Viêm Thị H, sinh năm 1945; gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972 và có 2 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2020 đến ngày 10/9/2020, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Bảo Lĩnh; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Hố Dăm, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Chị Sơn Thị Th, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Minh Tân A, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

3. Chị Sầm Thị N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Nà Diêm, xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 31' ngày 13/8/2020, tại quán Karaoke 68 ở thôn Mao Độc, xã Phụng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh do Nguyễn Văn T làm quản lý, lực lượng Công an đã bắt quả tang 3 đôi nam nữ đang mua, bán dâm trong 3 phòng ngủ trên tầng 3. Tại phòng ngủ thứ nhất: Nguyễn Văn Nam, sinh 1994, HKTT: Phố Vũ, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh đang mua dâm Sầm Thị N, sinh năm 1986, HKTT: Thôn Nà Diêm, xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Tại phòng ngủ thứ 2: Nguyễn Phan Cảnh, sinh năm 1990, HKTT: Phố Vũ, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh đang mua dâm Đỗ Thị M, sinh năm 1987, HKTT: Thôn Hố Dăm, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tại phòng ngủ thứ 3: Triệu Quang Huy, sinh năm 2000, HKTT: Phố Vũ, phường ĐP, thành phố Bắc Ninh đang mua dâm Sơn Thị Th, sinh năm 1996, HKTT: Thôn Minh Tân A, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vật chứng thu giữ: 03 bao cao su (BCS) đã qua sử dụng trên giường trong các phòng ngủ số 1, 2, 3. Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp 1.000.000 đồng là tiền Cảnh trả cho T để Cảnh, Huy, Nam mua dâm N, M, Th. Khám xét khẩn cấp quán Karaoke 68 thu giữ được: Thu tại phòng khách tầng 1 đầu thu Camera; thu tại phòng ngủ số 2 tầng 3 (phòng thứ 2 bên trái cầu thang): 30 bao cao su nhãn hiệu Vip Plus chưa qua sử dụng. Ngày 14/8/2020, Đặng Thị S đến Cơ quan Công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú và khai nhận: Quán Karaoke 68 (quán 68) đăng ký kinh doanh mang tên anh Nguyễn Hữu Trung, sinh năm 1989 là con trai S nhưng S thuê T quản lý, điều hành mọi hoạt động của quán từ năm 2018. Từ khoảng cuối tháng 7/2020 đến

đầu tháng 8/2020 S và T cùng thống nhất với nữ nhân viên phục vụ quán ngoài phục vụ hát Karaoke thì các nữ nhân viên sẽ bán dâm cho khách có nhu cầu mua dâm. Tối ngày 13/8/2020, S có mặt tại quán 68 và biết T gọi N, M, Th, bán dâm cho Nam, Cảnh, Huy.

Quá trình điều tra làm rõ: Tháng 7/2017 anh Nguyễn Hữu Trung được cấp Giấy phép kinh doanh Karaoke có tên biển hiệu: Karaoke – 68, địa chỉ kinh doanh: Tại thôn Mao Độc, xã Phụng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi được cấp phép kinh doanh anh Trung giao cho mẹ đẻ là Đặng Thị S trực tiếp quản lý, điều hành quán từ khoảng tháng 10/2017. Do quen biết, khoảng đầu năm 2018, Nguyễn Văn T đến xin làm thuê cho S tại quán 68. S đồng ý và giao cho T trực tiếp quản lý, điều hành quán, S trả lương cho T 10.000.000đ/1 tháng. Quá trình kinh doanh Karaoke, S và T nhận một số nhân viên nữ vào làm nhiệm vụ phục vụ hát Karaoke: rót bia, chọn bàicho khách. Khoảng từ cuối tháng 7, đầu tháng 8/2020, Sơn Thị Th, Sầm Thị N, Lê Bích Huyền, Đỗ Thị M và Đặng Thị Tươi được S và T nhận vào làm nhân viên, đồng thời thỏa thuận ngoài phục vụ hát Karaoke, khi khách có nhu cầu mua dâm thì các nhân viên sẽ bán dâm tại phòng ngủ của nhân viên ở tầng 3 quán 68. T trực tiếp thu tiền của khách mua dâm sau đó trả tiền bán dâm cho nhân viên bán dâm dứt điểm theo lượt. Tỷ lệ ăn chia tiền bán dâm giữa T, S với nhân viên bán dâm như sau: Đối với Sơn Thị Th bán dâm, T thu của khách mua dâm 500.000đ/1 người/1 lượt, 4 nhân viên còn lại thu 250.000đ/1 người/1 lượt. T trả cho Th 300.000đ/1 lượt bán dâm, trả cho N, M, Huyền, Tươi 120.000đ/1 lượt bán dâm, số tiền còn lại T đưa cho S. S và T không trả lương cho nhân viên mà nuôi ăn và sắp xếp cho Th, N, Huyền, M, Tươi ở trên các phòng trống tầng 3 quán 68 (phòng ngủ của nhân viên đồng thời là phòng nhân viên bán dâm). Bao cao su nhân viên bán dâm tự mua về dùng khi bán dâm.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/8/2020, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Phan Cảnh và Triệu Quang Huy rủ nhau đến quán Karaoke 68 mua dâm. Khi vào quán Cảnh và T thỏa thuận mua dâm 3 nhân viên giá 1.000.000đ, Cảnh đưa tiền cho T. T gọi Th, N, M từ phòng ngủ xuống đưa Nam, Cảnh, Huy lên tầng 3 để bán dâm. Khi các đối tượng đang mua bán dâm thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng như đã nêu trên.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T, Đặng Thị S, Sơn Thị Th, Sầm Thị N, Đỗ Thị M, Nguyễn Phan Cảnh, Triệu Quang Huy và Nguyễn Văn Nam thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Đối với Huyền và Tươi khai chưa bán dâm lần nào mà chỉ phục vụ hát Karaoke. Vì vậy chưa có cơ sở xác định Đặng Thị S và Nguyễn Văn T chứa chấp Lê Bích Huyền, Đặng Thị Tươi

bán dâm tại quán 68, do đó chưa có cơ sở xác định Đặng Thị S, Nguyễn Văn T chứa mại dâm 4 người trở lên.

Với nội dung trên, Bản cáo trạng số: 116/CT-VKS-P2 ngày 15/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Đặng Thị S và Nguyễn Văn T phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và thừa nhận Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo khai, do ảnh hưởng của dịch Covis, quán vắng khách hát, thu nhập thấp, nên có xin bán dâm cho khách để lấy tiền chi tiêu, vì vậy các bị cáo nể nang đồng ý. Quán mới có hoạt động chứa mại dâm một lần vào tối ngày 13/8/2020 thì bị bắt quả tang, Huyền và Tươi chỉ làm nhân viên phục vụ hát, không bán dâm. Cả hai bị cáo đều nhận thức rõ sai phạm và xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất. Bị cáo S khai chiếc Camera của quán dùng để trông giữ xe cho khách đến hát, nên đề nghị được trả lại. Bị cáo T khai, vừa qua bị cáo có ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt 5.000.000đ, nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị S và Nguyễn Văn T phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị S từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2020 đến ngày 05/10/2020, phạt bổ sung bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách 1.000.000đ của bị cáo T giao nộp. Trả lại 01 chiếc Camera cho bị cáo S; tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng còn lại là bao cao su.

Tự bào chữa cho hành vi phạm tội, các bị cáo đều thừa nhận tội danh và xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Vì vậy HĐXX thấy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20h31' ngày 13/8/2020, tại quán Karaoke 68, Đặng Thị S và Nguyễn Văn T đã có hành vi chứa mại dâm đối với 3 đôi nam, nữ mua bán dâm, thu lợi bất chính 1.000.000 đồng. Do vậy có căn cứ xét xử các bị cáo Đặng Thị S và Nguyễn Văn T phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là phù hợp với pháp luật.

2. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và là nguyên nhân tiềm ẩn phát sinh các loại bệnh xã hội như HIV, AIDS. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, trong đó S là chủ quán, là người thuê T quản lý, trông coi, trả lương cho T để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy có vai trò chính. Xét thấy, bị cáo S là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử về tội “Chứa mại dâm”, nhưng bị cáo không chịu tu sửa lại tiếp tục phạm tội, vì vậy cần buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú, vì vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, khi lượng hình HĐXX cần chiếu cố giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo T, là người làm thuê và giúp sức cho S, nên bị cáo có vai trò thứ yếu. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại 1.000.000đ thu lợi bất chính; quá trình được tại ngoại bị cáo đã tích cực tham gia ủng hộ phong To tình N - ủng hộ đồng bào lũ lụt ở Miền Trung 5.000.000đ, được UBND phường ĐP xác nhận, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX nhận thấy, do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ (1 tình tiết khoản 1, 02 tình tiết khoản 2), có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có vai trò thứ yếu trong vụ án, do vậy cần chiếu cố khoan hồng phạt bị cáo một mức án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục thành người lương thiện.

Cần phạt bổ sung 02 bị cáo một khoản tiền để sung ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Đối với khoản tiền 1.000.000đ là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với chiếc đầu thu Camera tại phiên tòa hôm nay, bị cáo S trình bày chỉ dùng vào việc trông giữ bảo vệ xe của khách đến hát, vì vậy trả lại cho bị cáo. Đối với các bao cao su cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị S và Nguyễn Văn T phạm tội “ Chứa mại dâm”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Thị S 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ 14/8/2020 đến ngày 05/10/2020. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường ĐP, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 1.000.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Thị S 01 đầu Camera.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 bao cao su đã qua sử dụng, 30 bao cao su nhãn hiệu Vip Plus chưa qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2020 của Cục THADS tỉnh Bắc Ninh)

3. Về án phí: Bị cáo Đặng Thị S và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT (PC 02)- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường ĐP;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Thị Lượng